

**CÔNG TY CỔ PHẦN VENEREUS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VENEREUS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VENEREUS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110465713

**3. Ngày thành lập:** 29/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tòa nhà Thai Nam Building, Lô E2, đường Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986678898

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                              | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>- Trừ đầu giá tài sản.                                                                                                                                 | 8299     |
| 5.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản.<br>(Điều 3 Luật kinh doanh Bất động sản).                                                                                                                            | 6810     |
| 6.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ Sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quảng cáo bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản.<br>(Điều 3 Luật kinh doanh Bất động sản).      | 6820     |
| 7.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4932     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                              | 5210(Chính) |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                 | 5221        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                | 5222        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không                                                                                                                                                                                | 5223        |
| 12. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                         | 5224        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                  | 5225        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Trừ các hoạt động thuộc lĩnh vực vận tải hàng không và kinh doanh dịch vụ hàng không theo quy định tại Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ. | 5229        |
| 15. | Sản xuất điện<br>Chi tiết: Nhiệt năng được thu hồi và sinh hơi phát điện                                                                                                                                                                 | 3511        |
| 16. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                           | 3811        |
| 17. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                 | 3812        |
| 18. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                 | 3821        |
| 19. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                       | 3822        |
| 20. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                         | 3830        |
| 21. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                        | 3900        |
| 22. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                        | 4101        |
| 23. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                  | 4102        |
| 24. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                            | 4211        |
| 25. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                             | 4212        |
| 26. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                 | 4291        |
| 27. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                          | 4292        |
| 28. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                    | 4293        |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                               | 4299        |
| 30. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                   | 4311        |
| 31. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                        | 4312        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.200.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 220.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức            | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần   | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>XUÂN HIẾU | Số 31B lầu 1 Sur<br>Vạn Hạnh,<br>Phường 02, Quận<br>10, Thành phố Hồ<br>Chí Minh, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 176.000<br>.000 | 1.760.000.000.0<br>00    | 80,000       | 0790790155<br>15                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0               | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0               | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0               | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0               | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Tổng số                            | 176.000<br>.000 | 1.760.000.000.0<br>00    | 80,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               |                                    |                 |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | VŨ NGỌC<br>THÁI     | Tổ 21-22, Phường<br>Tiền Phong,<br>Thành phố Thái<br>Bình, Tỉnh Thái<br>Bình, Việt Nam        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 22.000.<br>000  | 220.000.000.00<br>0      | 10,000       | 0340840075<br>71                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0               | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0               | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0               | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0               | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Tổng số                            | 22.000.<br>000  | 220.000.000.00<br>0      | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               |                                    |                 |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |             |                                                                                            |                           |            |                 |        |              |
|---|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------|--------|--------------|
| 3 | LÊ MẠNH SON | Số 20, ngõ 45, đường Nguyễn Hồng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 22.000.000 | 220.000.000.000 | 10,000 | 034070000681 |
|   |             |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                            | Tổng số                   | 22.000.000 | 220.000.000.000 | 10,000 |              |
|   |             |                                                                                            |                           |            |                 |        |              |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **VŨ NGỌC THÁI**
Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *09/10/1984*
Dân tộc: *Kinh*
Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *034084007571*

Ngày cấp: *29/09/2022*
Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 21-22, Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 21-22, Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội